# Bộ truyền động xoay
# DSM-T-10-90-P

Số bộ phận: 1559484

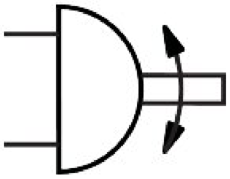

## Bảng dữ liệu

| Đặc tính | Giá trị |
|---|---|
| Kích thước | 10 |
| Góc giảm âm | 0.5 ° |
| Góc xoay | 0 °...90 ° |
| Bán kính dừng cho phép | 13 mm |
| Đệm | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu |
| Vị trí lắp đặt | bất kì |
| Nguyên tắc vận hành | tác động kép |
| Cấu trúc xây dựng | Cánh xoay |
| Phát hiện vị trí | không có |
| Áp suất vận hành | 0.35 MPA...0.8 MPA<br>3.5 bar...8 bar |
| Tần số xoay tối đa ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 3 Hz |
| Độ chính xác lặp lại | 1 ° |
| Môi chất vận hành | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 0 - không ứng suất ăn mòn |
| Tuân thủ LABS | VDMA24364-B2-L |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | 0 °C...60 °C |
| Lực tác động tối đa | 60 N |
| Lực dọc trục tối đa | 10 N |
| Lực hướng tâm tối đa | 30 N |
| Mô men xoắn lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 1.7 N m |
| Mô-men quán tính khối lượng cho phép | 0.0026 kgm² |
| trọng lượng sản phẩm | 200 g |
| Kiểu gắn | với ren trong |
| Cổng nối khí nén | M3 |
| Ghi chú vật liệu | Tuân thủ RoHS |
| Vật liệu trục truyền động | thép hợp kim không gỉ |
| Vật liệu của phớt | TPE-U (PU) |
| Vật liệu vỏ | Nhôm<br>anốt hóa |